ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐƯỜNG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 460 /QĐ-UBND	*Đường An, ngày 24 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2025 xã Đường An

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ ĐƯỜNG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đường An về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đường An về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND xã Đường An về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương 2021-2025 và năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND xã Đường An về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND xã Đường An đề nghị phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Đường An (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Đường An về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (lần 3);

Căn cứ Thông báo số 135/TB-ĐU ngày 03/3/2025 của Đảng ủy xã Đường An thông báo ý kiến về việc Quyết toán Ngân sách xã Đường An năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 04/TB-TTHĐND ngày 03/3/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Đường An thông báo ý kiến về việc Quyết toán Ngân sách xã Đường An năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Đường An tại tờ trình số 68 /TTr-PKT ngày 24 /3/2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán Ngân sách xã Đường An năm 2025.

(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân xã Đường An, Thủ trưởng các phòng ban, ngành, Hiệu trưởng các trường học và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND Tp HP;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;

} Để b/c

- TTr HĐND và các ban HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu VT, KT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐƯỜNG AN TP HẢI PHÒNG

Đào Đức Vỹ

P HẢI PHÒNG

Mẫu biểu số 48
TheoNghị định 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NĐ31-BM48 - XÃ ĐƯỜNG AN)

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

				So Sánh	
STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**133.964.000.000**	**235.641.291.743**	**101.677.291.743**	**176%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**4.363.000.000**	**21.022.988.140**	**16.659.988.140**	**482%**
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	398.000.000	4.759.557.808	4.361.557.808	1196%
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	3.965.000.000	16.263.430.332	12.298.430.332	410%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**129.601.000.000**	**205.953.847.235**	**76.352.847.235**	**159%**
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	129.601.000.000	129.601.000.000		100%
-	Thu TC bổ sung thực hiện cải cách tiền lương				
-	Thu bổ sung có mục tiêu		76.352.847.235	76.352.847.235	
III	**Thu từ các khoản cho vay của nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính**				
IV	**Thu kết dư**		**245.107.081**	**245.107.081**	
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**8.287.054.723**	**8.287.054.723**	
VI	**Các khoản huy động, đóng góp**				
VII	**Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách**		**132.294.564**	**132.294.564**	
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**133.964.000.000**	**234.810.425.761**	**234.552.425.761**	**175%**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**133.706.000.000**	**212.225.073.271**	**212.225.073.271**	**159%**
1	Chi đầu tư phát triển	1.500.000.000	42.321.916.470	40.821.916.470	2821%
2	Chi thường xuyên	128.010.000.000	165.733.717.001	37.723.717.001	129%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
6	Dự phòng ngân sách	4.196.000.000	4.169.439.800	-26.560.200	99%
II	**Chi các chương trình mục tiêu**				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	**Chi chuyển nguồn năm sau**		**22.212.258.676**	**22.212.258.676**	
IV	**Chi nộp ngân sách cấp trên (Khoản Tiết kiệm chi 10%)**	**258.000.000**	**373.093.814**	**115.093.814**	**145%**
V	**Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới**				
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP/KẾT DƯ NSĐP**				
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	**TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSĐP**				
H	**KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**		**830.865.982**		

Biểu mẫu số 49
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3
A	**NGÂN SÁCH XÃ**			
I	**Nguồn thu ngân sách**	**133.964.000.000**	**235.641.291.743**	**176%**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4.363.000.000	21.022.988.140	**482%**
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	129.601.000.000	205.953.847.235	**159%**
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	129.601.000.000	129.601.000.000	**100%**
-	Thu bổ sung có mục tiêu		76.352.847.235	
3	Thu kết dư		245.107.081	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		8.287.054.723	
5	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách		132.294.564	
II	**Chi ngân sách**	**234.810.425.761**	**234.810.425.761**	**100%**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	133.964.000.000	212.598.167.085	**159%**
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		22.212.258.676	
III	**Kết dư**		**830.865.982**	

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách xã không có thu từ quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ gốc và bội chi NSĐP.

(2) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

Biểu mẫu số 50
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC (NĐ31-BM50_XÃ ĐƯỜNG AN) 2025

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN(A+B+C+D)	**142.814.000.000**	**133.964.000.000**	**947.919.536.042**	**235.641.291.743**	664%	176%
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**13.213.000.000**	**4.363.000.000**	**733.060.432.439**	**21.022.988.140**	5548%	482%
I	**Thu nội địa**	**13.213.000.000**	**4.363.000.000**	**733.060.432.439**	**21.022.988.140**	5548%	482%
1	Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			182.166.979			
-	Thuế giá trị gia tăng			71.358.057			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			110.808.922			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên						
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.120.000.000	896.000.000	16.302.486.984	3.179.732.076	1456%	355%
-	Thuế giá trị gia tăng			15.632.723.976	3.179.732.076		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			669.763.008			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên						
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	630.000.000	504.000.000	11.976.530.734	9.556.718.488	1901%	1896%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	680.000.000	680.000.000	7.640.031.123	2.676.930.029	1124%	394%
8	Phí, lệ phí	159.000.000	159.000.000	348.557.500	179.040.000	219%	113%
-	Phí, lệ phí TW			163.717.500			
-	Phí, lệ phí tỉnh						
-	Phí, lệ phí huyện			19.150.000	18.850.000		
-	Phí, lệ phí xã, phường			165.690.000	160.190.000		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	385.000.000	385.000.000	742.114.461	670.874.145	193%	174%

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			1.088.773.882			
12	Tiền sử dụng đất	10.000.000.000	1.500.000.000	575.535.698.136	3.523.679.768	5755%	235%
13	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
16	Thu khác ngân sách	64.000.000	64.000.000	118.848.486.142	840.427.136	185701%	1313%
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	175.000.000	175.000.000	395.586.498	395.586.498	226%	226%
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
B	**THU HỒI TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**						
C	**THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**	**129.601.000.000**	**129.601.000.000**	**206.326.941.799**	**206.086.141.799**		159%
D	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**			**245.107.081**	**245.107.081**		
E	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**			**8.287.054.723**	**8.287.054.723**		

Biểu mẫu số 51 NĐ số 31/2017/NĐ-CP Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC (NĐ31-BM51A) 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)	Ghi chú
A	B	1	2	3=2/1	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (không tính chi trả nợ gốc tiền vay)	**133.964.000.000**	**234.810.425.761**	**175%**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**133.964.000.000**	**212.225.073.271**	**158%**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**1.500.000.000**	**42.321.916.470**	**2821%**	
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.500.000.000	42.321.916.470	**2821%**	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.500.000.000	3.171.390.907	**211%**	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi thường xuyên**	**128.268.000.000**	**165.733.717.001**	**129%**	
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	88.858.085.332	91.676.811.163	**103%**	
2	Chi khoa học và công nghệ				
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
V	**Dự phòng**	**4.196.000.000**	**4.169.439.800**	**99%**	
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**				
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**				
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**				
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**22.212.258.676**		
D	**CHI BỔ SUNG NS CẤP DƯỚI**				
E	**CHI NỘP NS CẤP TRÊN**		**373.093.814**		

Biểu mẫu số 52
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC (NĐ31-BM52A - XÃ ĐƯỜNG AN)

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ	**133.964.000.000**	**234.810.425.761**	**100.846.425.761**	**175%**
A	**CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC**	**133.964.000.000**	**234.810.425.761**	**100.846.425.761**	**175%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**1.500.000.000**	**42.321.916.470**	**40.821.916.470**	**2821%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.500.000.000	42.321.916.470	40.821.916.470	**2821%**
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hoá thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế				
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	1.500.000.000	42.321.916.470	40.821.916.470	**2821%**
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; Các tổ chức kinh tế; Các tổ chức tài chính của trung ương và địa phương				
3	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
II	**Chi thường xuyên theo lĩnh vực**	**128.268.000.000**	**165.733.717.001**	**37.465.717.001**	**129%**
-	Chi quốc phòng	1.594.000.000	1.710.440.000	116.440.000	**107%**
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.519.000.000	1.402.957.120	-116.042.880	**92%**
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	88.858.085.332	91.676.811.163	2.818.725.831	**103%**
-	Chi khoa học, công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình	155.000.000	155.000.000		**100%**
-	Chi văn hoá thông tin	792.046.550	791.323.494	-723.056	**99,9%**
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	605.433.500	481.566.744	-123.866.756	**79,5%**
-	Chi thể dục thể thao	47.000.000	47.000.000		**100%**
-	Chi bảo vệ môi trường	779.935.230	872.808.930	92.873.700	**112%**
-	Chi các hoạt động kinh tế	3.413.904.400	3.734.134.026	320.229.626	**109%**
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	28.403.888.716	46.527.421.070	18.123.532.354	**164%**
-	Chi đảm bảo xã hội	2.069.706.272	18.304.254.454	16.234.548.182	**884%**

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So Sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	30.000.000	30.000.000		100%
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
V	**Dự phòng NSNN**	**4.196.000.000**	**4.169.439.800**	-26.560.200	99,4%
VI	**Chi tạo nguồn , điều chỉnh tiền lương**				
B	**CHI CHUYỂN NGUỒN**		**22.212.258.676**	22.212.258.676	
C	**Chi nộp ngân sách cấp trên**		**373.093.814**	373.093.814	

Biểu mẫu số 53
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM (NĐ31-BM53A) - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm	Dự toán xã	Quyết toán	Ngân sách xã	Ngân sách xã	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	6	7
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**133.964.000.000**	**133.964.000.000**	**234.810.425.761**	**234.810.425.761**	**175%**	
A	**CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**133.964.000.000**	**133.964.000.000**	**212.225.073.271**	**212.225.073.271**	**158%**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**133.964.000.000**	**133.964.000.000**	**42.321.916.470**	**44.488.305.070**	**33%**	
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.500.000.000	1.500.000.000	42.321.916.470	42.321.916.470	**2821%**	
	Trong đó: chia theo lĩnh vực						
	-Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
	Chi khoa học và công nghệ						
	Trong đó: chia theo nguồn vốn						
	-Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.500.000.000	1.500.000.000	3.171.390.907	3.171.390.907	**211%**	
	-Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
3	Chi đầu tư phát triển khác						
II	**Chi thường xuyên**	**128.268.000.000**	**128.268.000.000**	**165.733.717.001**	**165.733.717.001**	**129%**	
	Trong đó:						
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	88.858.085.332	88.858.085.332	91.676.811.163	91.676.811.163	**103%**	
2	Chi khoa học, công nghệ						
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**						
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**						
V	**Dự phòng ngân sách**	**4.196.000.000**	**4.196.000.000**	**4.169.439.800**	**4.169.439.800**	**99%**	
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**						
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**						
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**						
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**						
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN**			**22.212.258.676**	**22.212.258.676**		
D	**CHI NỘP NS CẤP TRÊN**			**373.093.814**	**373.093.814**		

Biểu mẫu số 54
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán					So sánh (%)	
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi nộp NS cấp trên	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)
A	D	1	2	3	7	8	9	15	17	18	19
B	TỔNG CHI	127.254.049.831	1.500.000.000	123.058.049.831	234.810.425.761	44.488.305.070	167.736.768.201	373.093.814	22.212.258.676	2966%	136%
1	Trường trung học cơ sở Tân hồng	4.807.690.000		4.807.690.000	5.415.079.000		5.415.079.000				113%
2	Trường trung học cơ sở Vũ Hữu	7.843.237.500		7.843.237.500	8.371.086.500		8.371.086.500				107%
3	Trường Mầm non Thái Minh 2	5.508.616.500		5.508.616.500	6.260.595.500		6.260.595.500				114%
4	Trường Mầm non Thái Minh 1	7.988.205.000		7.988.205.000	9.041.905.000		9.041.905.000				113%
5	Trường mầm non Tân Hồng	6.249.550.000		6.249.550.000	6.990.482.000		6.990.482.000				112%
6	Trường mầm non Thúc Kháng	4.683.195.000		4.683.195.000	5.301.899.000		5.301.899.000				113%
7	Trường Trung học cơ sở Thái Minh	7.548.981.110		7.548.981.110	8.054.745.110		8.054.745.110				107%
8	Trường tiểu học Tân Hồng	7.030.817.000		7.030.817.000	7.632.695.000		7.632.695.000				109%
9	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Thái Minh	9.787.031.000		9.787.031.000	10.515.216.000		10.515.216.000				107%
10	Trường Tiểu học Thái Minh	10.601.032.000		10.601.032.000	11.364.147.000		11.364.147.000				107%
11	Trường tiểu học Thúc Kháng	6.792.634.998		6.792.634.998	7.269.999.998		7.269.999.998				107%
12	Trường trung học cơ sở Thúc Kháng	4.837.145.055		4.837.145.055	5.458.961.055		5.458.961.055				113%
13	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đường An	789.000.000		789.000.000	950.168.194		950.168.194				120%
14	Văn phòng HĐND và UBND xã Đường An	23.350.914.668		23.350.914.668	51.641.286.520		51.641.286.520				221%
15	Văn phòng Đảng ủy xã Đường An	5.249.000.000		5.249.000.000	7.976.280.780		7.976.280.780				152%
16	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Xã Đường An	2.360.000.000		2.360.000.000	3.282.748.610		3.282.748.610				139%
17	Phòng Kinh tế xã Đường An	5.067.000.000		5.067.000.000	5.671.196.276		5.671.196.276				112%
18	Phòng Văn hóa Xã hội xã Đường An	2.564.000.000		2.564.000.000	4.535.225.458		4.535.225.458				177%
19	Mã tổ chức ngân sách Xã Đường An				373.093.814			373.093.814			

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán					So sánh (%)	
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi nộp NS cấp trên	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)
20	Các dự án đầu tư thuộc cấp ngân sách xã của xã Đường An		1.500.000.000		42.321.916.470	42.321.916.470				2821%	
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)										
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)										
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	4.196.000.000			4.169.439.800	2.166.388.600	2.003.051.200				
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG										
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)										
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU				22.212.258.676				22.212.258.676		



Biểu mẫu số 55
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1
	TỔNG CỘNG	**46.111.859.470**	**44.488.305.070**													**44.488.305.070**			96%
1	036200396 - Lập nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	**350.057.639**	**350.057.639**													350.057.639			100%
2	036200401 - Đường GTNT phục vụ sản xuất xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (Đoạn từ mương Đội 7 đến sông Thục)	**886.000.000**	**886.000.000**													886.000.000			100%
3	036200402 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Trang xã Thúc Kháng; Đoạn từ nhà ông Sang đến cửa điện, khu Tranh ngoài	**451.000.000**	**451.000.000**													451.000.000			100%
4	036200403 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Trang, xã Thúc Kháng đoạn : Từ nhà văn hóa số 1 khu Tranh ngoài đến nhà ông Tiến	**830.000.000**	**830.000.000**													830.000.000			100%
5	036200404 - Đường GTNT phục vụ sản xuất xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (đoạn từ SVĐ Ngọc Tân đến Mương đội 7)	**749.000.000**	**749.000.000**													749.000.000			100%
6	036200405 - Lập nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Thúc Kháng huyện Bình Giang, tỉnh HD đến năm 2035	**44.023.000**	**44.023.000**													44.023.000			100%
7	036200424 - Đường GTNT xã Thái Học, Huyện Bình Giang HM: Nền, mặt đường BTXM từ sân kho thôn Vạc đến thôn Tó	**751.495.000**	**751.495.000**													751.495.000			100%
8	036200425 - Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 10 phòng (Đơn nguyên 2) trường THCS xã Thái Học	**1.040.779.000**	**1.040.779.000**													1.040.779.000			100%

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
9	036200426 - Nâng tầng 3 nhà mớp học 2 tầng 10 phòng (Đơn nguyên 1) trường THCS xã Thái Học	979.401.000	979.401.000													979.401.000			100%
10	036200427 - Nâng tầng 2 Nhà bếp + Kho sử dụng chức năng khối văn phòng và hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.132.733.000	1.132.733.000													1.132.733.000			100%
11	036200428 - Khối phòng tổ chức ăn trường Mầm Non xã Thái Học huyện Bình Giang	1.118.168.000	1.118.168.000													1.118.168.000			100%
12	036200429 - Đường giao thông nông thôn xã Thái Học huyện Bình Giang HM: Nền, mặt đường BTXM thôn Tó	903.156.000	903.156.000													903.156.000			100%
13	036200430 - Đường GTNT xã Thái Học, huyện Bình Giang HM: Nền, mặt đường BTXM tuyến từ sân kho ra nghĩa trang thôn Vạc	575.230.000	575.230.000													575.230.000			100%
14	036200431 - Nhà vệ sinh giáo viên, nhà xe giáo viên và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Thái Học	1.096.501.000	1.096.501.000													1.096.501.000			100%
15	036200432 - Cải tạo sân, tường rào nhà văn hóa thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang	743.100.000	743.100.000													743.100.000			100%
16	036200433 - Sân đường nội bộ, vườn cổ tích và hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.119.449.000	1.119.449.000													1.119.449.000			100%
17	037000025.0370 - Nâng cấp, cải tạo và xây dựng một số hạng mục công trình trường THCS Tân Hồng	638.200.000	638.200.000													638.200.000			100%
18	036200434 - Nhà bếp + Nhà ăn trường Tiểu học xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.129.601.000	1.129.601.000													1.129.601.000			100%
19	036200435 - Mở rộng nền mặt đường , đường giao thông thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.152.900.000	1.152.900.000													1.152.900.000			100%
20	036200436 - các Hạng mục phụ trợ UBND và ao sen xã Thúc Kháng	3.692.000.000	3.692.000.000													3.692.000.000			100%
21	037000187 - Đường làng nghề chế tác vàng bạc Lương Ngọc xã Thúc Kháng huyện Bình Giang	170.000.000	170.000.000													170.000.000			100%
22	037000216 - Trường Mầm Non Tân Hồng HM: Cải tạo, nâng tầng Nhà lớp học 2 tầng 4 Phòng	207.700.000	207.700.000													207.700.000			100%

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
23	037000219 - Di chuyển nhà bia Văn Chi Đường An và Đường vào nhà Bia kéo dài xã Thái Học HM: Đường vào nhà Bia Văn Chi Đường An kéo dài	760.225.000	760.225.000													760.225.000			100%
24	037000227 - Đường trục xã Thúc Kháng đoạn từ cầu tre đến đường Thanh Niên HM: Mặt đường và an toàn giao thông	200.000.000	200.000.000													200.000.000			100%
25	037000280 - Xây dựng cải tạo các hạng mục phụ trợ UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang	407.175.000	407.175.000													407.175.000			100%
26	037000311 - Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông, vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng công cộng xã Thái Học, huyện BG	4.712.635.000	4.712.635.000													4.712.635.000			100%
27	037000318 - Trụ sở Đảng ủy-HĐND- UBND xã Tân Hồng : HM : Nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ	556.200.000	556.200.000													556.200.000			100%
28	037000321 - Nâng cấp, cải tạo đường GTNT thôn Lương Ngọc xã Thúc Kháng (đoạn từ cổng làng Lương Ngọc đến nút giao với trung tâm xã)	460.000.000	460.000.000													460.000.000			100%
29	037000328 - Nâng cấp, cải tạo chợ thôn Mộ Trạch xã Tân Hồng huyện Bình Giang	408.000.000	408.000.000													408.000.000			100%
30	037000333 - Xây dựng kè ao cạnh sân thể thao thôn Nhuận Tây và cải tạo, nâng cấp một số tuyến đg GTNT thôn Quang Tiền và thôn Nhuận Đông	112.400.000	112.400.000													112.400.000			100%
31	420198101 - Cải tạo tuyến đường giao thông xã Thái Học đoạn từ đt 392- ngã ba nhà văn hóa thôn Vạc và đoạn ngã ba sân kho thôn Vạc đi nhà văn hóa thôn sồi tó	246.132.000	246.132.000													246.132.000			100%
32	420201301 - Nâng cấp, ctao đg giao thông đoạn từ ngã 3 ông Lâm đến cánh đồng 10% thôn Phù xã Thái Học	160.013.000	160.013.000													160.013.000			100%
33	420201716 - Trường THCS Tân Hồng HM: Phá dỡ, nhà lớp học 2T 6P, nhà bảo vệ, sân đường	268.800.000	268.800.000													268.800.000			100%
34	420211301 - Nhà vệ sinh học sinh - Trường THCS Thái Học	333.300.000	333.300.000													333.300.000			100%
35	420211302 - Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng (đơn nguyên 1) trường tiểu học xã Thái Học	329.682.000	329.682.000													329.682.000			100%

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
48	037000332 - Cải tạo, N.cấp đg trục xã Tân Hồng huyện Bình Giang (giai đoạn 2) Hạng mục : Chiếu sáng	72.707.000	72.707.000													72.707.000			100%
49	420211702 - Trường tiểu học Tân Hồng HM: Làm mới nhà cầu thép, sửa chữa nhà lớp học	50.170.000	50.170.000													50.170.000			100%
50	7795945 - Cải tạo sửa chữa ao bơi thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang	303.557.000	303.557.000													303.557.000			100%
51	036200474 - Nhà vệ sinh trường tiểu học xã Thái Học huyện Bình Giang	247.995.000	247.995.000													247.995.000			100%
52	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Phú Khê, xã Đường An, thành phố Hải Phòng	717.052.000	25.200.000													25.200.000			4%
53	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Sồi Cầu, xã Đường An, TP Hải Phòng (Đoạn từ cầu Sồi tới nút giao đường tỉnh 394B)	1.271.000.000	400.116.000													400.116.000			31%
54	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đường An, thành phố Hải Phòng	900.000.000	877.312.000													877.312.000			97%
55	Di chuyển, xây dựng bãi tập kết rác trước trụ sở HĐND – UBND xã Đường An	188.489.968	188.489.968													188.489.968			100%
56	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công An xã Đường An; Hạng mục: Nhà làm việc 3 tầng; mái che sân; nhà ăn; nhà bảo vệ; cổng, tường rào	1.000.000.000	1.000.000.000													1.000.000.000			100%
57	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn tại thôn Hoàng Sơn	1.290.000.000	1.289.076.600													1.289.076.600			100%
58	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Hoạch Trạch (điểm đầu từ cầu thôn Hoạch Trạch giao với đường tỉnh 394, điểm cuối hết địa phận thôn Hoạch Trạch)	1.880.000.000	1.842.793.000													1.842.793.000			98%

Biểu mẫu số 56
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THUỘC XÃ ĐƯỜNG AN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Chi GD-ĐT và	Chi KHCN	Chi Quốc phòng	Chi AN-TTAT xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa, thông tin	Chi PT-TH, thông tấn	Chi TD-TT	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi HĐ của cơ quan, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm bảo xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi NN-LN, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	18	19	19=2/1
	TỔNG CHI	**123.058.049.831**	**167.736.768.201**	**91.676.811.163**		**1.710.440.000**	**1.622.935.320**	**155.000.000**	**791.323.494**	**481.566.744**	**47.000.000**	**872.808.930**	**3.734.134.026**	**627.000.000**	**381.007.726**	**48.340.494.070**	**18.304.254.454**		**110.58**
1	Trường trung học cơ sở Tân hồng	**4.807.690.000**	**5.415.079.000**	5.415.079.000															113%
2	Trường trung học cơ sở Vũ Hữu	**7.843.237.500**	**8.371.086.500**	8.371.086.500															107%
3	Trường Mầm non Thái Minh 2	**5.508.616.500**	**6.260.595.500**	6.260.595.500															114%
4	Trường Mầm non Thái Minh 1	**7.988.205.000**	**9.041.905.000**	9.041.905.000															113%
5	Trường mầm non Tân Hồng	**6.249.550.000**	**6.990.482.000**	6.990.482.000															112%
6	Trường mầm non Thúc Kháng	**4.683.195.000**	**5.301.899.000**	5.301.899.000															113%
7	Trường Trung học cơ sở Thái Minh	**7.548.981.110**	**8.054.745.110**	8.054.745.110															107%
8	Trường tiểu học Tân Hồng	**7.030.817.000**	**7.632.695.000**	7.632.695.000															109%
9	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Thái Minh	**9.787.031.000**	**10.515.216.000**	10.515.216.000															107%
10	Trường Tiểu học Thái Minh	**10.601.032.000**	**11.364.147.000**	11.364.147.000															107%
11	Trường tiểu học Thúc Kháng	**6.792.634.998**	**7.269.999.998**	7.269.999.998															107%
12	Trường trung học cơ sở Thúc Kháng	**4.837.145.055**	**5.458.961.055**	5.458.961.055															113%
13	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đường An	**789.000.000**	**950.168.194**													950.168.194			120%
14	Văn phòng HĐND và UBND xã Đường An	**23.350.914.668**	**53.344.337.720**			1.710.440.000	1.622.935.320		146.046.550	110.433.500		79.935.230	24.904.400		24.904.400	31.345.388.266	18.304.254.454		228%
15	Văn phòng Đảng ủy xã Đường An	**5.249.000.000**	**8.276.280.780**													8.276.280.780			158%
16	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Xã Đường An	**2.360.000.000**	**3.282.748.610**													3.282.748.610			139%
17	Phòng Kinh tế xã Đường An	**5.067.000.000**	**5.671.196.276**									792.873.700	3.709.229.626	627.000.000	356.103.326	1.169.092.950			112%
18	Phòng Văn hóa Xã hội xã Đường An	**2.564.000.000**	**4.535.225.458**					155.000.000	645.276.944	371.133.244	47.000.000					3.316.815.270			177%

Biểu mẫu số 57
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3	4	5	6=1-5	7	8
	TỔNG SỐ	**169.804.975.771**	**123.058.049.831**	**46.746.925.940**	-	**167.736.768.201**	**2.068.207.570**	**100.000.000**	**1.968.207.570**
1	Trường trung học cơ sở Tân Hồng	**5.415.079.000**	**4.807.690.000**	**607.389.000**		5.415.079.000	-		
2	Trường trung học cơ sở Vũ Hữu	**8.371.086.500**	**7.843.237.500**	**527.849.000**		8.371.086.500	-		
3	Trường Mầm non Thái Minh 2	**6.260.595.500**	**5.508.616.500**	**751.979.000**		6.260.595.500	-		
4	Trường Mầm non Thái Minh 1	**9.041.905.000**	**7.988.205.000**	**1.053.700.000**		9.041.905.000	-		
5	Trường mầm non Tân Hồng	**6.990.482.000**	**6.249.550.000**	**740.932.000**		6.990.482.000	-		
6	Trường mầm non Thúc Kháng	**5.308.899.000**	**4.683.195.000**	**625.704.000**		5.301.899.000	**7.000.000**		**7.000.000**
7	Trường Trung học cơ sở Thái Minh	**8.054.745.110**	**7.548.981.110**	**505.764.000**		8.054.745.110	-		-
8	Trường tiểu học Tân Hồng	**7.632.695.000**	**7.030.817.000**	**601.878.000**		7.632.695.000	-		-
9	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Thái Minh	**10.615.216.000**	**9.787.031.000**	**828.185.000**		10.515.216.000	**100.000.000**	**100.000.000**	
10	Trường Tiểu học Thái Minh	**11.364.147.000**	**10.601.032.000**	**763.115.000**		11.364.147.000	-		-

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3	4	5	6=1-5	7	8
11	Trường tiểu học Thúc Kháng	**7.269.999.998**	**6.792.634.998**	**477.365.000**		7.269.999.998	-		-
12	Trường trung học cơ sở Thúc Kháng	**5.458.961.055**	**4.837.145.055**	**621.816.000**		5.458.961.055	-		-
13	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đường An	**954.480.000**	**789.000.000**	**165.480.000**		950.168.194	**4.311.806**		**4.311.806**
14	Văn phòng HĐND và UBND xã Đường An	**55.126.404.218**	**23.350.914.668**	**31.775.489.550**		53.344.337.720	**1.782.066.498**		**1.782.066.498**
15	Văn phòng Đảng ủy xã Đường An	**8.276.280.780**	**5.249.000.000**	**3.027.280.780**		8.276.280.780	-		-
16	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Xã Đường An	**3.282.748.610**	**2.360.000.000**	**922.748.610**		3.282.748.610	-		-
17	Phòng Kinh tế xã Đường An	**5.679.100.000**	**5.067.000.000**	**612.100.000**		5.671.196.276	**7.903.724**		**7.903.724**
18	Phòng Văn hóa Xã hội xã Đường An	**4.702.151.000**	**2.564.000.000**	**2.138.151.000**		4.535.225.458	**166.925.542**		**166.925.542**

Biểu mẫu số 58
Theo Nghị định 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ ĐƯỜNG AN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán								So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư không kể CTMTQG	Chi thường xuyên không kể CTMTQG	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi nộp NS cấp trên	Chi bổ sung NS cấp dưới	Chi chuyển nguồn	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển
A	D	1	2	3	7	8	9	10	11	15	16	17	18	19	20
B	TỔNG CHI	169.169.909.301	46.111.859.470	123.058.049.831	234.810.425.761	44.488.305.070	167.736.768.201			373.093.814		22.212.258.676	139%	136%	96%
1	Trường trung học cơ sở Tân hồng	4.807.690.000		4.807.690.000	5.415.079.000		5.415.079.000						113%	113%	
2	Trường trung học cơ sở Vũ Hữu	7.843.237.500		7.843.237.500	8.371.086.500		8.371.086.500						107%	107%	
3	Trường Mầm non Thái Minh 2	5.508.616.500		5.508.616.500	6.260.595.500		6.260.595.500						114%	114%	
4	Trường Mầm non Thái Minh 1	7.988.205.000		7.988.205.000	9.041.905.000		9.041.905.000						113%	113%	
5	Trường mầm non Tân Hồng	6.249.550.000		6.249.550.000	6.990.482.000		6.990.482.000						112%	112%	
6	Trường mầm non Thúc Kháng	4.683.195.000		4.683.195.000	5.301.899.000		5.301.899.000						113%	113%	
7	Trường Trung học cơ sở Thái Minh	7.548.981.110		7.548.981.110	8.054.745.110		8.054.745.110						107%	107%	
8	Trường tiểu học Tân Hồng	7.030.817.000		7.030.817.000	7.632.695.000		7.632.695.000						109%	109%	
9	Trường Tiểu Học Và Trung Học Cơ Sở Thái Minh	9.787.031.000		9.787.031.000	10.515.216.000		10.515.216.000						107%	107%	
10	Trường Tiểu học Thái Minh	10.601.032.000		10.601.032.000	11.364.147.000		11.364.147.000						107%	107%	
11	Trường tiểu học Thúc Kháng	6.792.634.998		6.792.634.998	7.269.999.998		7.269.999.998						107%	107%	
12	Trường trung học cơ sở Thúc Kháng	4.837.145.055		4.837.145.055	5.458.961.055		5.458.961.055						113%	113%	
13	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Đường An	789.000.000		789.000.000	950.168.194		950.168.194						120%	120%	
14	Văn phòng HĐND và UBND xã Đường An	23.350.914.668		23.350.914.668	53.344.337.720		53.344.337.720						228%	228%	
15	Văn phòng Đảng ủy xã Đường An	5.249.000.000		5.249.000.000	8.276.280.780		8.276.280.780						158%	158%	
16	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Xã Đường An	2.360.000.000		2.360.000.000	3.282.748.610		3.282.748.610						139%	139%	
17	Phòng Kinh tế xã Đường An	5.067.000.000		5.067.000.000	5.671.196.276		5.671.196.276						112%	112%	
18	Phòng Văn hóa Xã hội xã Đường An	2.564.000.000		2.564.000.000	4.535.225.458		4.535.225.458						177%	177%	

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán								So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư không kể CTMTQG	Chi thường xuyên không kể CTMTQG	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi nộp NS cấp trên	Chi bổ sung NS cấp dưới	Chi chuyển nguồn	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển
19	Mã tổ chức ngân sách Xã Đường An				22.585.352.490					373.093.814		22.212.258.676			
20	Các dự án đầu tư thuộc cấp ngân sách xã của xã Đường An	46.111.859.470	46.111.859.470		44.488.305.070	44.488.305.070							96%		96%
20.1	036200396 - Lập nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	350.057.639	350.057.639		350.057.639	350.057.639							100%		100%
20.2	036200401 - Đường GTNT phục vụ sản xuất xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (Đoạn từ mương Đội 7 đến sông Thục)	886.000.000	886.000.000		886.000.000	886.000.000							100%		100%
20.3	036200402 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Trang xã Thúc Kháng; Đoạn từ nhà ông Sang đến cửa điện, khu Tranh ngoài	451.000.000	451.000.000		451.000.000	451.000.000							100%		100%
20.4	036200403 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Trang, xã Thúc Kháng đoạn : Từ nhà văn hóa số 1 khu Tranh ngoài đến nhà ông Tiến	830.000.000	830.000.000		830.000.000	830.000.000							100%		100%
20.5	036200404 - Đường GTNT phục vụ sản xuất xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (đoạn từ SVĐ Ngọc Tân đến Mương đội 7)	749.000.000	749.000.000		749.000.000	749.000.000							100%		100%
20.6	036200405 - Lập nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Thúc Kháng huyện Bình Giang, tỉnh HD đến năm 2035	44.023.000	44.023.000		44.023.000	44.023.000							100%		100%
20.7	036200424 - Đường GTNT xã Thái Học, Huyện Bình Giang HM: Nền, mặt đường BTXM từ sân kho thôn Vạc đến thôn Tó	751.495.000	751.495.000		751.495.000	751.495.000							100%		100%
20.8	036200425 - Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 10 phòng (Đơn nguyên 2) trường THCS xã Thái Học	1.040.779.000	1.040.779.000		1.040.779.000	1.040.779.000							100%		100%
20.9	036200426 - Nâng tầng 3 nhà mớp học 2 tầng 10 phòng (Đơn nguyên 1) trường THCS xã Thái Học	979.401.000	979.401.000		979.401.000	979.401.000							100%		100%
20.10	036200427 - Nâng tầng 2 Nhà bếp + Kho sử dụng chức năng khối văn phòng và hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.132.733.000	1.132.733.000		1.132.733.000	1.132.733.000							100%		100%
20.11	036200428 - Khối phòng tổ chức ăn trường Mầm Non xã Thái Học huyện Bình Giang	1.118.168.000	1.118.168.000		1.118.168.000	1.118.168.000							100%		100%
20.12	036200429 - Đường giao thông nông thôn xã Thái Học huyện Bình Giang HM: Nền, mặt đường BTXM thôn Tó	903.156.000	903.156.000		903.156.000	903.156.000							100%		100%
20.13	036200430 - Đường GTNT xã Thái Học, huyện Bình Giang HM: Nền, mặt đường BTXM tuyến từ sân kho ra nghĩa trang thôn Vạc	575.230.000	575.230.000		575.230.000	575.230.000							100%		100%
20.14	036200431 - Nhà vệ sinh giáo viên, nhà xe giáo viên và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Thái Học	1.096.501.000	1.096.501.000		1.096.501.000	1.096.501.000							100%		100%
20.15	036200432 - Cải tạo sân, tường rào nhà văn hóa thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang	743.100.000	743.100.000		743.100.000	743.100.000							100%		100%

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán								So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư không kể CTMTQG	Chi thường xuyên không kể CTMTQG	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi nộp NS cấp trên	Chi bổ sung NS cấp dưới	Chi chuyển nguồn	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển
20.16	036200433 - Sân đường nội bộ, vườn cổ tích và hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.119.449.000	1.119.449.000		1.119.449.000	1.119.449.000							100%		100%
20.17	037000025.0370 - Nâng cấp, cải tạo và xây dựng một số hạng mục công trình trường THCS Tân Hồng	638.200.000	638.200.000		638.200.000	638.200.000							100%		100%
20.18	036200434 - Nhà bếp + Nhà ăn trường Tiểu học xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.129.601.000	1.129.601.000		1.129.601.000	1.129.601.000							100%		100%
20.19	036200435 - Mở rộng nền mặt đường , đường giao thông thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang	1.152.900.000	1.152.900.000		1.152.900.000	1.152.900.000							100%		100%
20.20	036200436 - các Hạng mục phụ trợ UBND và ao sen xã Thúc Kháng	3.692.000.000	3.692.000.000		3.692.000.000	3.692.000.000							100%		100%
20.21	037000187 - Đường làng nghề chế tác vàng bạc Lương Ngọc xã Thúc Kháng huyện Bình Giang	170.000.000	170.000.000		170.000.000	170.000.000							100%		100%
20.22	037000216 - Trường Mầm Non Tân Hồng HM: Cải tạo, nâng tầng Nhà lớp học 2 tầng 4 Phòng	207.700.000	207.700.000		207.700.000	207.700.000							100%		100%
20.23	037000219 - Di chuyển nhà bia Văn Chi Đường An và Đường vào nhà Bia kéo dài xã Thái Học HM: Đường vào nhà Bia Văn Chi Đường An kéo dài	760.225.000	760.225.000		760.225.000	760.225.000							100%		100%
20.24	037000227 - Đường trục xã Thúc Kháng đoạn từ cầu tre đến đường Thanh Niên HM: Mặt đường và an toàn giao thông	200.000.000	200.000.000		200.000.000	200.000.000							100%		100%
20.25	037000280 - Xây dựng cải tạo các hạng mục phụ trợ UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang	407.175.000	407.175.000		407.175.000	407.175.000							100%		100%
20.26	037000311 - Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông, vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng công cộng xã Thái Học, huyện BG	4.712.635.000	4.712.635.000		4.712.635.000	4.712.635.000							100%		100%
20.27	037000318 - Trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND xã Tân Hồng : HM : Nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ	556.200.000	556.200.000		556.200.000	556.200.000							100%		100%
20.28	037000321 - Nâng cấp, cải tạo đường GTNT thôn Lương Ngọc xã Thúc Kháng (đoạn từ cổng làng Lương Ngọc đến nút giao với trung tâm xã)	460.000.000	460.000.000		460.000.000	460.000.000							100%		100%
20.29	037000328 - Nâng cấp, cải tạo chợ thôn Mộ Trạch xã Tân Hồng huyện Bình Giang	408.000.000	408.000.000		408.000.000	408.000.000							100%		100%
20.30	037000333 - Xây dựng kè ao cạnh sân thể thao thôn Nhuận Tây và cải tạo, nâng cấp một số tuyến đg GTNT thôn Quang Tiền và thôn Nhuận Đông	112.400.000	112.400.000		112.400.000	112.400.000							100%		100%
20.31	420198101 - Cải tạo tuyến đường giao thông xã Thái Học đoạn từ đt 392- ngã ba nhà văn hóa thôn Vạc và đoạn ngã ba sân kho thôn Vạc đi nhà văn hóa thôn sồi tó	246.132.000	246.132.000		246.132.000	246.132.000							100%		100%
20.32	420201301 - Nâng cấp, ctao đg giao thông đoạn từ ngã 3 ông Lâm đến cánh đồng 10% thôn Phủ xã Thái Học	160.013.000	160.013.000		160.013.000	160.013.000							100%		100%

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán								So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư không kể CTMTQG	Chi thường xuyên không kể CTMTQG	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi nộp NS cấp trên	Chi bổ sung NS cấp dưới	Chi chuyển nguồn	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển
20.33	420201716 - Trường THCS Tân Hồng HM: Phá dỡ, nhà lớp học 2T 6P, nhà bảo vệ, sân đường	268.800.000	268.800.000		268.800.000	268.800.000							100%		100%
20.34	420211301 - Nhà vệ sinh học sinh - Trường THCS Thái Học	333.300.000	333.300.000		333.300.000	333.300.000							100%		100%
20.35	420211302 - Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng (đơn nguyên 1) trường tiểu học xã Thái Học	329.682.000	329.682.000		329.682.000	329.682.000							100%		100%
20.36	420211502 - Cải tạo, nâng cấp đường đê sông Cửu An xã Thúc Kháng đoạn từ ngã ba chợ Tranh đến nhà ông Tưởng	2.289.000.000	2.289.000.000		2.289.000.000	2.289.000.000							100%		100%
20.37	7694691 - Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Thúc Kháng, đoạn từ nhà ông Tưởng đến ngã tư Ngọc Cục, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang	6.085.000.000	6.085.000.000		6.085.000.000	6.085.000.000							100%		100%
20.38	7865543 - Ctạo, N.cấp đg vào và một số hạng mục nhà Bia xã Thái Học (Điểm đầu từ cổng Đông Hường đến Nhà Bia	325.091.563	325.091.563		325.091.563	325.091.563							100%		100%
20.39	036200328 - Trường Tiểu học Tân Hồng huyện Bình Giang HM: Mái sân và khu vệ sinh	109.560.200	109.560.200		109.560.200	109.560.200							100%		100%
20.40	036200475 - Cải tạo đường GT xã Thái Học đoạn từ ngõ nhà ông Sang thôn Phú Khê ra bãi rác	70.310.800	70.310.800		70.310.800	70.310.800							100%		100%
20.41	037000006.0370 - Đường Nghinh thôn Trạch Xá xã Tân Hồng đoạn từ đường thôn đi xuống xã đến đg từ Cổng trước đi sau Chùa	40.253.000	40.253.000		40.253.000	40.253.000							100%		100%
20.42	037000041.0370 - Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn My Cầu xã Tân Hồng HM San Nền	75.957.100	75.957.100		75.957.100	75.957.100							100%		100%
20.43	037000233 - Nâng cấp, cải tạo 02 tuyến đường GTNT và Vỉa hè thôn Sỏi Cầu xã Thái Học huyện Bình Giang	86.913.000	86.913.000		86.913.000	86.913.000							100%		100%
20.44	037000260 - Di chuyển đường dây hạ thế đoạn đg trục sau TBA T.Học C, TBA T.Học D để N.cấp tuyến đg trục thôn Vạc từ Cổng Gạo đến Cầu Sen thuộc xã Thái Học	72.219.000	72.219.000		72.219.000	72.219.000							100%		100%
20.45	037000329 - Cải tạo trường Mầm Non Tân Hồng huyện Bình Giang HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	130.923.000	130.923.000		130.923.000	130.923.000							100%		100%
20.46	037000330 - Cải tạo đường làng Tiến sĩ Mộ Trạch xã Tân Hồng đoạn từ Km2+732,34 - Km3+083,84; HM : Vỉa Hè	65.415.000	65.415.000		65.415.000	65.415.000							100%		100%
20.47	037000331 - C.tạo, N.cấp trạm y tế xã Tân Hồng HM: Nhà khám và điều trị, sân lát gạch, bồn cây, vườn thuốc nam, nhà xe, nhà chờ tiêm chủng, kè mương, phá dỡ nhà cũ	125.190.200	125.190.200		125.190.200	125.190.200							100%		100%
20.48	037000332 - Cải tạo, N.cấp đg trục xã Tân Hồng huyện Bình Giang (giai đoạn 2) Hạng mục : Chiếu sáng	72.707.000	72.707.000		72.707.000	72.707.000							100%		100%

STT	Tên đơn vị	Dự toán			Quyết toán								So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư không kể CTMTQG	Chi thường xuyên không kể CTMTQG	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi nộp NS cấp trên	Chi bổ sung NS cấp dưới	Chi chuyển nguồn	Tổng số	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển
20.49	420211702 - Trường tiểu học Tân Hồng HM: Làm mới nhà cầu thép, sửa chữa nhà lớp học	50.170.000	50.170.000		50.170.000	50.170.000							100%		100%
20.50	7795945 - Cải tạo sửa chữa ao bơi thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang	303.557.000	303.557.000		303.557.000	303.557.000							100%		100%
20.51	036200474 - Nhà vệ sinh trường tiểu học xã Thái Học huyện Bình Giang	247.995.000	247.995.000		247.995.000	247.995.000							100%		100%
20.52	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Phú Khê, xã Đường An, thành phố Hải Phòng	717.052.000	717.052.000		25.200.000	25.200.000							4%		4%
20.53	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Sồi Cầu, xã Đường An, TP Hải Phòng (Đoạn từ cầu Sồi tới nút giao đường tỉnh 394B)	1.271.000.000	1.271.000.000		400.116.000	400.116.000							31%		31%
20.54	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đường An, thành phố Hải Phòng	900.000.000	900.000.000		877.312.000	877.312.000							97%		97%
20.55	Di chuyển, xây dựng bãi tập kết rác trước trụ sở HĐND – UBND xã Đường An	188.489.968	188.489.968		188.489.968	188.489.968							100%		100%
20.56	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công An xã Đường An; Hạng mục: Nhà làm việc 3 tầng; mái che sân; nhà ăn; nhà bảo vệ; cổng, tường rào	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000							100%		100%
20.57	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn tại thôn Hoàng Sơn	1.290.000.000	1.290.000.000		1.289.076.600	1.289.076.600							100%		100%
20.58	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Hoạch Trạch (điểm đầu từ cầu thôn Hoạch Trạch giao với đường tỉnh 394, điểm cuối hết địa phận thôn Hoạch Trạch)	1.880.000.000	1.880.000.000		1.842.793.000	1.842.793.000							98%		98%

Biểu mẫu số 59
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	TỔNG SỐ																								
1	Xã Đường An	207.218.489.940	129.601.000.000	77.617.489.940		77.617.489.940		77.617.489.940		205.953.847.235	129.601.000.000	76.352.847.235		76.352.847.235		76.352.847.235		99%	100%	98%		98%		98%	

Ghi chú: (1) Bổ sung từ ngân sách tỉnh chi tiết đến từng xã.

Biểu mẫu số 60
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSĐP	Trong đó					
			Thu NSĐP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước	Thu chuyển giao các cấp ngân sách
A	B	1	2	3	4	5	6	6
	TỔNG SỐ							
1	**Xã Đường An**	**235.641.291.743**	21.022.988.140	205.953.847.235		8.287.054.723	245.107.081	132.294.564

Biểu mẫu số 62

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 XÃ ĐƯỜNG AN

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25=21/17	26=22/18	27=23/19	28=24/20
	Tổng số					**172.174**	**-**	**-**	**172.174**	**167.430**	**-**	**-**	**167.430**	**167.430**	**-**	**-**	**167.430**	**45.360**	**-**	**-**	**44.488**	**44.488**	**-**	**-**	**44.488**				
	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG					**97.854**	**-**	**-**	**97.854**	**93.110**	**-**	**-**	**93.110**	**93.110**	**-**	**-**	**93.110**	**24.492**	**-**	**-**	**23.620**	**23.620**	**-**	**-**	**23.620**				
A																													
1	**Chuẩn bị đầu tư**																												
2	**Thực hiện dự án**																												
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**					**86.054**	**-**	**-**	**86.054**	**86.054**	**-**	**-**	**86.054**	**86.054**	**-**	**-**	**86.054**	**21.905**	**-**	**-**	**21.905**	**21.905**	**-**	**-**	**21.905**				
1	Đường giao thông nông thôn xã Thái Học, huyện Bình Giang; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM từ sân kho thôn Vạc đến thôn Tó	Đường An		2016	Số 45/QĐ-UBND ngày 02/7/2016	1.055			1.055	1.055			1.055	1.055			1.055	752			752	752			752	100%			100%
2	Đường giao thông nông thôn xã Thái Học, huyện Bình Giang; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM thôn Tó	Đường An		2023	Số 55/QĐ-UBND ngày 27/7/2016	1.158			1.158	1.158			1.158	1.158			1.158	903			903	903			903	100%			100%
3	Đường giao thông nông thôn xã Thái Học, huyện Bình Giang; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM tuyến từ sân kho ra nghĩa trang thôn Vạc	Đường An		2021-2022	Số 39/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	747			747	747			747	747			747	575			575	575			575	100%			100%
4	Cải tạo tuyến đường giao thông xã Thái Học đoạn từ ĐT392 - Ngã 3 nhà văn hóa thôn vạc và đoạn từ ngã ba sân kho thôn Vạc đi nhà văn hóa thôn Sồi Tó	Đường An		2023	Số 2184/QĐ-UBND ngày 21/12/2018	2.301			2.301	2.301			2.301	2.301			2.301	246			246	246			246	100%			100%
5	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn đoạn từ ngã ba ông Lâm đến cánh đồng 10% thôn Phù Bình, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Đường An		2016	Số 26/QĐ-UBND ngày 7/10/2020	1.192			1.192	1.192			1.192	1.192			1.192	160			160	160			160	100%			100%
6	Mở rộng nền mặt đường, đường giao thông thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang	Đường An		2019-2020	Số 20/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	1.252			1.252	1.252			1.252	1.252			1.252	1.153			1.153	1.153			1.153	100%			100%
7	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông, vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, xã Thái Học, huyện Bình Giang	Đường An		2020	Số 168/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	13.823			13.823	13.823			13.823	13.823			13.823	4.713			4.713	4.713			4.713	100%			100%
8	Cải tạo, nâng cấp đường vào và một số hạng mục nhà bia xã Thái Học, huyện Bình Giang (điểm đầu từ cổng đông hướng đến nhà bia)	Đường An		2019-2020	Số 65/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	9.161			9.161	9.161			9.161	9.161			9.161	325			325	325			325	100%			100%
9	Di chuyển nhà Bia Văn chỉ Đường An và đường vào nhà Bia kéo dài xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; Hạng mục: Đường vào nhà Bia Văn Chỉ đường An kéo dài	Đường An		2020-2021	Số 112/QĐ-UBND; Ngày 01/11/2022	13.295			13.295	13.295			13.295	13.295			13.295	760			760	760			760	100%			100%

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương																				
10	Cải tạo đường GT xã Thái Học đoạn từ ngõ nhà ông Sang thôn Phú Khê ra bãi rác	Đường An		2018	Số 85/QĐ-UBND ngày 17/17/2019	652			652	652			652	652			652	70			70	70			70	100%			100%
11	Nâng cấp, cải tạo 02 tuyến đường GTNT và Vỉa hè thôn Sỏi Cầu xã Thái Học huyện Bình Giang	Đường An		2022	Số 15/QĐ - UBND ngày 28/4/2022	10.866			10.866	10.866			10.866	10.866			10.866	87			87	87			87	100%			100%
12	Đường Nghình thôn Trạch Xá xã Tân Hồng đoạn từ đường thôn đi xuống xã đến đường từ Cổng trước đi sau Chùa	Đường An		2021	Số 22/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	1.188			1.188	1.188			1.188	1.188			1.188	40			40	40			40	100%			100%
13	Đường GTNT phục vụ sản xuất xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (Đoạn từ mương Đội 7 đến sông Thục)	Đường An		2022	Số 98/QĐ-UBND ngày12/12/2022	1.055			1.055	1.055			1.055	1.055			1.055	886			886	886			886	100%			100%
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Tranh xã Thúc Kháng; Đoạn từ nhà ông Sang đến cửa điện, khu Tranh ngoài	Đường An		2022	Số 68/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	600			600	600			600	600			600	451			451	451			451	100%			100%
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thị Tranh, xã Thúc Kháng đoạn : Từ nhà văn hóa số 1 khu Tranh ngoài đến nhà ông Tiến	Đường An		2023	Số 23/QĐ-UBND ngày 01/03/2023	828			828	828			828	828			828	830			830	830			830	100%			100%
16	Đường GTNT phục vụ sản xuất xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang (đoạn từ SVĐ Ngọc Tân đến Mương đội 7)	Đường An		2022	Số 50/QĐ-UBND ngày 15/09/2022	805			805	805			805	805			805	749			749	749			749	100%			100%
17	Đường làng nghề chế tác vàng bạc Lương Ngọc xã Thúc Kháng huyện Bình Giang	Đường An		2021	Số 95/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	2.980			2.980	2.980			2.980	2.980			2.980	170			170	170			170	100%			100%
18	Đường trục xã Thúc Kháng đoạn từ cầu tre đến đường Thanh Niên HM: Mặt đường và an toàn giao thông	Đường An		2022	Số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	2.972			2.972	2.972			2.972	2.972			2.972	200			200	200			200	100%			100%
19	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT thôn Lương Ngọc xã Thúc Kháng (đoạn từ cổng làng Lương Ngọc đến nút giao với trung tâm xã)	Đường An		2023	Số 37/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	6.239			6.239	6.239			6.239	6.239			6.239	460			460	460			460	100%			100%
20	Cải tạo, nâng cấp đường đê sông Cửu An xã Thúc Kháng đoạn từ ngã ba chợ Tranh đến nhà ông Tường	Đường An		2020	Số 122/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.242			4.242	4.242			4.242	4.242			4.242	2.289			2.289	2.289			2.289	100%			100%

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương
21	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Thúc Kháng, đoạn từ nhà ông Tường đến ngã tư Ngọc Cục, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang	Đường An		2018	Số 644/QĐ-UBND ngày 09/14/2018	9.642			9.642	9.642			9.642	9.642			9.642	6.085			6.085	6.085			6.085	100%			100%
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2025-2030**					**11.800**	-	-	**11.800**	**7.056**	-	-	**7.056**	**7.056**	-	-	**7.056**	**2.586**	-	-	**1.714**	**1.714**	-	-	**1.714**				
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Phú Khê, xã Đường An, thành phố Hải Phòng	Đường An		2025-2026	858/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	5.800			5.800	3.375			3.375	3.375			3.375	25			25	25			25	100%			100%
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Sồi Cầu, xã Đường An, thành phố Hải Phòng (đoạn từ Cầu Sồi tới nút giao đường tỉnh 394B)	Đường An		2025-2026	Số 1284/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	4.000			4.000	1.791			1.791	1.791			1.791	1.271			400	400			400	100%			100%
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn tại thôn Hoàng Sơn	Đường An		2025-2026	1161/QĐ-UBND ngày 23/10/2025	2.000			2.000	1.890			1.890	1.890			1.890	1.290			1.289	1.289			1.289	100%			100%
B	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**					**13.786**	-	-	**13.786**	**13.786**	-	-	**13.786**	**13.786**	-	-	**13.786**	**8.695**	-	-	**8.695**	**8.695**	-	-	**8.695**				
1	**Chuẩn bị đầu tư**																											
2	**Thực hiện dự án**																											
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**					**11.406**	-	-	**11.406**	**11.406**	-	-	**11.406**	**11.406**	-	-	**11.406**	**6.665**	-	-	**6.665**	**6.665**	-	-	**6.665**				
1	Sân đường nội bộ, vườn cổ tích và hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Thái Học, huyện Bình Giang	Đường An		2022	Số 48/QĐ-UBND ngày 18/05/2023	1.207			1.207	1.207			1.207	1.207			1.207	1.119			1.119	1.119			1.119	100%			100%
2	Cải tạo Sân, tường rào nhà văn hóa thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Đường An		2023-2024	Số 02/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	850			850	850			850	850			850	743			743	743			743	100%			100%
3	Xây dựng kè ao cạnh sân thể thao thôn Nhuận Tây và cải tạo, nâng cấp một tuyến đường GTNT thôn Quang Tiền và thôn Nhuận Đông	Đường An		2020-2021	Số 07/QĐ-UBND ngày 06/1/2023	1.207			1.207	1.207			1.207	1.207			1.207	112			112	112			112	100%			100%
4	Di chuyển đường dây hạ thế đoạn đường trục sau TBA Thái Học C, TBA Thái Học D để Nâng cấp tuyến đường trục thôn Vạc từ Cổng Gạo đến Cầu Sen thuộc xã Thái Học	Đường An		2020-2021	Số 64/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	663			663	663			663	663			663	72			72	72			72	100%			100%
5	Cải tạo sửa chữa ao bơi thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang	Đường An		2018	Số 92/QĐ-UBND ngày 5/9/2018	1.261			1.261	1.261			1.261	1.261			1.261	304			304	304			304	100%			100%
6	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn My Cầu xã Tân Hồng HM San Nền	Đường An				-				-				-				76			76	76			76	100%			100%
7	Cải tạo đường làng Tiến sĩ Mộ Trạch xã Tân Hồng đoạn từ Km2+732,34 - Km3+083,84; HM : Vỉa Hè	Đường An		2022	Số 125/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	561			561	561			561	561			561	65			65	65			65	100%			100%

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương																				
8	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hồng huyện Bình Giang (giai đoạn 2) Hạng mục : Chiếu sáng	Đường An		2022	Số 122/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	751			751	751			751	751			751	73			73	73			73	100%			100%
9	Các hạng mục phụ trợ UBND và ao sen xã Thúc Kháng	Đường An		2023	Số 158/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	4.249			4.249	- 4.249			4.249	4.249			4.249	3.692	-		3.692	3.692			3.692	100%	-		100%
10	Nâng cấp, cải tạo chợ thôn Mộ Trạch xã Tân Hồng huyện Bình Giang	Đường An		2022	Số 120/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	657			657	657			657	657			657	408			408	408			408	100%			100%
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2025-2030**					**2.380**	-	-	**2.380**	**2.380**	-	-	**2.380**	**2.380**	-	-	**2.380**	**2.030**	-	-	**2.030**	**2.030**	-	-	**2.030**				
1	Hệ thống đèn chiếu sáng thôn Hoạch Trạch (điểm đầu từ cầu thôn Hoạch Trạch giao với đường tỉnh 394, điểm cuối hết địa phận thôn Hoạch Trạch)	Đường An		2025-2026	1285/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	1.880			1.880	1.880			1.880	1.880			1.880	1.843			1.843	1.843			1.843	100%			100%
2	Di chuyển, xây dựng bãi tập kết rác trước Trụ sở HĐND - UBND xã Đường An	Đường An			1336/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	500			500	500			500	500			500	187			187	187			187	100%			100%
C	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG**					**60.104**	-	-	**60.104**	**60.104**	-	-	**60.104**	**60.104**	-	-	**60.104**	**11.779**	-	-	**11.779**	**11.779**	-	-	**11.779**				
1	**Chuẩn bị đầu tư**																												
2	**Thực hiện dự án**																												
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**					**55.804**	-	-	**55.804**	**55.804**	-	-	**55.804**	**55.804**	-	-	**55.804**	**9.902**	-	-	**9.902**	**9.902**	-	-	**9.902**				
1	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng (Đơn nguyên 1) trường TH xã Thái Học , huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Đường An		2021-2022	Số 2079/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	4.721			4.721	4.721			4.721	4.721			4.721	330			330	330			330	100%			100%
2	Xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	Đường An		2016	Số 120/QĐ-UBND ngày 22/12/2021; ĐC số 62/QĐ-UBND ngày 18/05/2022	10.947			10.947	10.947			10.947	10.947			10.947	407			407	407			407	100%			100%
3	Nhà vệ sinh giáo viên, nhà xe giáo viên và các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Thái Học	Đường An		2021	Số 107/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	1.153			1.153	1.153			1.153	1.153			1.153	1.097			1.097	1.097			1.097	100%			100%
4	Nhà vệ sinh học sinh - trường THCS Thái Học	Đường An		2023	Số 90/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	1.295			1.295	1.295			1.295	1.295			1.295	221			221	221			221	100%			100%

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương																				
5	Khối phòng tổ chức ăn Trường Mầm non xã Thái Học,huyện Bình Giang	Đường An		2023	Số 79/QĐ-UBND ngày 06/09/2021	1.189			1.189	1.189			1.189	1.189			1.189	1.118			1.118	1.118			1.118	100%			100%
6	Nâng tầng 2 Nhà bếp + Kho sử dụng chức năng khối văn phòng và hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Thái Học, huyện Bình Giang	Đường An		2023	Số 78/QĐ-UBND ngày 22/07/2022	1.192			1.192	1.192			1.192	1.192			1.192	1.133			1.133	1.133			1.133	100%			100%
7	Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 10 phòng (Đơn nguyên 1) trường THCS xã Thái Học	Đường An		2021	Số 88/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	1.080			1.080	1.080			1.080	1.080			1.080	979			979	979			979	100%			100%
8	Nâng tầng 3 nhà lớp học 2 tầng 10 phòng (Đơn nguyên 2) trường THCS xã Thái Học	Đường An		2022-2023	Số 101/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	1.174			1.174	1.174			1.174	1.174			1.174	1.041			1.041	1.041			1.041	100%			100%
9	Nhà bếp + Nhà ăn trường tiểu học xã Thái Học, huyện Bình Giang	Đường An		2022	Số 151/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	1.197			1.197	1.197			1.197	1.197			1.197	1.130			1.130	1.130			1.130	100%			100%
10	Nhà vệ sinh trường tiểu học xã Thái Học huyện Bình Giang	Đường An		2018	Số 51/QĐ-UBND 2018	1.217			1.217	1.217			1.217	1.217			1.217	360			360	360			360	100%			100%
11	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng một số hạng mục công trình trường THCS Tân Hồng	Đường An		2021-2022	Số 46/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	6.044			6.044	6.044			6.044	6.044			6.044	638			638	638			638	100%			100%
12	Trường Mầm Non Tân Hồng HM: Cải tạo, nâng tầng Nhà lớp học 2 tầng 4 Phòng	Đường An		2021-2022	Số 95/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	2.531			2.531	2.531			2.531	2.531			2.531	208			208	208			208	100%			100%
13	Trụ sở Đảng ủy- HĐND- UBND xã Tân Hồng : HM : Nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ	Đường An		2022	Số 122/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	13.072			13.072	13.072			13.072	13.072			13.072	556			556	556			556	100%			100%
14	Trường THCS Tân Hồng HM: Phá dỡ, nhà lớp học 2T 6P, nhà bảo vệ, sân đường	Đường An		2019-2020	Số 21/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	5.498			5.498	5.498			5.498	5.498			5.498	269			269	269			269	100%			100%
15	Trường Tiểu học Tân Hồng huyện Bình Giang HM: Mái sân và khu vệ sinh	Đường An		2022	Số 124/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	126			126	126			126	126			126	110			110	110			110	100%			100%
16	Cải tạo trường Mầm Non Tân Hồng huyện Bình Giang HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Đường An		2022	Số 123/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1.136			1.136	1.136			1.136	1.136			1.136	131			131	131			131	100%			100%

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2025				DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN				So sánh (%)			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Nguồn ngân sách địa phương
17	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Tân Hồng HM: Nhà khám và điều trị, sân lát gạch, bồn cây, vườn thuốc nam, nhà xe, nhà chờ tiêm chủng, kè mương, phá dỡ nhà cũ	Đường An		2022	Số 121/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1.021			1.021	1.021			1.021	1.021			1.021	125			125	125			125	100%			100%
18	Trường tiểu học Tân Hồng HM: Làm mới nhà cầu thép, sửa chữa nhà lớp học	Đường An		2020	Số 50/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	1.210			1.210	1.210			1.210	1.210			1.210	50			50	50			50	100%			100%
b	**Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2025-2030**					**4.300**	**-**	**-**	**4.300**	**4.300**	**-**	**-**	**4.300**	**4.300**	**-**	**-**	**4.300**	**1.877**	**-**	**-**	**1.877**	**1.877**	**-**	**-**	**1.877**				
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công An xã Đường An; Hạng mục: Nhà làm việc 3 tầng; mái che sân; nhà ăn; nhà bảo vệ; cổng, tường rào	Đường An		2025-2026	1334/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	2.300			2.300	2.300			2.300	2.300			2.300	1.000			1.000	1.000			1.000	100%			100%
2	Nâng cấp cải tạo trụ sở HĐND-UBND xã Đường An	Đường An		2025-2026	1297/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	2.000			2.000	2.000			2.000	2.000			2.000	877			877	877			877	100%			100%
D	**NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG**					**431**	**-**	**-**	**431**	**431**	**-**	**-**	**431**	**431**	**-**	**-**	**431**	**394**	**-**	**-**	**394**	**394**	**-**	**-**	**394**				
1	**Chuẩn bị đầu tư**																												
2	**Thực hiện dự án**																												
a	**Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025**					**431**	**-**	**-**	**431**	**431**	**-**	**-**	**431**	**431**	**-**	**-**	**431**	**394**	**-**	**-**	**394**	**394**	**-**	**-**	**394**		**-**	**-**	
1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đến năm 2035	Đường An		2024-2025	Số 2073/QĐ-UBND ngày 15/5/2025	387			387	387			387	387			387	350			350	350			350	100%			100%
2	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Thúc Kháng huyện Bình Giang, tỉnh HD đến năm 2035	Đường An		2024-2025		44			44	44			44	44			44	44			44	44			44	100%			100%

Biểu mẫu số 64
NĐ số 31/2017/NĐ-CP
Ngày 23/03/2017 của Chính Phủ

TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025 - XÃ ĐƯỜNG AN (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Đường An

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ			
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.934.699.000	1.727.120.000	59%
-	*Sự nghiệp giáo dục*	2.934.699.000	1.727.120.000	59%
-	*Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề*			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			